

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **360 /2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 10/8/2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Trọng Đức**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Huy** và ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh** – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn BT, xã CL, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

- Bị đơn: Anh Phùng Văn C, sinh năm 1989

HKTT: Thôn BT, xã CL, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam SH, xã CL, Ba Vì, Hà Nội

(Chị N có mặt, anh C xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Phùng Văn C trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL ngày 30/5/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, anh C có hành vi cố ý giết chị. Hiện nay, anh C đang phải chấp hành án tại trại giam SH – Ba Vì – Hà Nội thời hạn 7 năm tù về tội “Giết người”. Nay chị xác định cuộc sống hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N xác nhận có 01 con chung là cháu Phùng Văn A, sinh ngày 05/3/2015. Hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi cháu A đến trưởng thành và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Văn C trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị N trình bày, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó anh C đã có hành vi giết vợ và phải đi chấp hành án từ tháng 4/2020. Anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị N nuôi con và xin tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đang chấp hành án tại trại giam SH, xã CL, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội và xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng tại Tòa án.

* Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

+ Về con chung: Giao cháu Phùng Văn A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung cho anh C.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Văn C là bị đơn có HKTT tại xã CL, huyện Ba Vì, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Anh C xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C nghi ngờ chị N ngoại tình và đã có hành vi giết vợ dẫn đến phải đi chấp hành án tại Trại giam. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị ly hôn, anh C đồng ý. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

[3] Về con chung: Chị N và anh C có 01 con chung là cháu Phùng Văn A, sinh ngày 05/3/2015. Cháu A còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp từ mẹ để con được phát triển toàn diện. Anh C đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị N và anh C đều thống nhất giao con cho chị N nuôi dưỡng và tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung cho anh C là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị N và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị N và anh Phùng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Văn A, sinh ngày 05/3/2015 cho chị Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có

sự thay đổi khác. Anh C được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0060272 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hoàn trả chị N 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã C L;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Đức

